|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **NAM ĐỊNH**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **HƯỚNG DẪN CHẤM THI**  **ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **Năm học: 2023 - 2024**  Môn thi: **NGỮ VĂN (Chuyên)**  (Hướng dẫn chấm gồm: 05 trang.) |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **2,5** |
| **1** | Tư tưởng chủ đạo của lối sống Wabi-Sabi: xem sự khiếm khuyết là một phần của cuộc sống. | 0,5 |
| **2** | Theo đoạn trích, tượng thần Vệ nữ Milo trở nên đặc biệt và được yêu thích vì:  - Bức tượng bị mất hai cánh tay và trở thành biểu tượng của vẻ đẹp khiếm khuyết, vẻ đẹp vượt lên trên cái hoàn chỉnh thông thường.  - Bức tượng khiến mọi người tò mò và bị kích thích, mỗi người sẽ tưởng tượng để tái hiện phần bị mất; do đó, trong cảm nhận của mỗi người bức tượng sẽ hiện ra với những vẻ đẹp khác nhau.  *Trả lời đúng 02 ý cho 0,5 điểm; trả lời đúng 01 ý cho 0,25 điểm.*  *Thí sinh dẫn lại nguyên văn đoạn trích, không xác định rõ lí lẽ người viết dùng để lập luận cho 0,25 điểm*  *Không trả lời hoặc trả lời sai, không cho điểm* | 0,5 |
| **3** | Quan điểm của tác giả:  - Con người không ai hoàn hảo; mỗi người đều có vẻ đẹp, giá trị riêng.  - Cần biết trân trọng, khẳng định vẻ đẹp và giá trị của mình.  *Trả lời đúng 01 ý cho 0,5 điểm; trả lời đúng 02 ý cho 0,75 điểm.*  *Cho điểm tối đa nếu thí sinh có cách diễn đạt tương đương.* | 0,75 |
| **4** | - Nêu quan điểm của bản thân về nhận định: Đồng tình/Không đồng tình/ Đồng tình một phần.  - Lí giải:  + *Nếu đồng tình, có thể lí giải theo hướng*: Ý thức được khiếm khuyết của bản thân, con người sẽ tìm cách hạn chế, khắc phục các khiếm khuyết đó, thậm chí có thể biến khiếm khuyết thành điểm mạnh, lợi thế trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định, vì thế khiếm khuyết không đáng sợ; tự ti, mặc cảm, chối bỏ chính mình khiến khiếm khuyết càng lộ rõ, con người không thể hiện được giá trị bản thân, không thể phát triển, thậm chí đánh mất chính mình, đó là cách phản ứng tiêu cực, tự hạ thấp giá trị bản thân.  + *Nếu không đồng tình, có thể lí giải theo hướng*: khiếm khuyết dù lớn hay nhỏ đều đáng sợ vì đó đều là những điểm yếu cản trở sự phát triển của mỗi người; sự tự ti, mặc cảm, chối bỏ chính mình là cách phản ứng thường gặp, thể hiện sự ý thức sâu sắc về bản thân, là tiền đề để con người khắc phục khiếm khuyết, thay đổi bản thân để trở nên tốt đẹp hơn.  + *Nếu đồng tình một phần*: kết hợp hai hướng trên để lí giải.  *Nêu quan điểm của bản thân cho 0,25 điểm*  *Lý giải thuyết phục cho 0,5 điểm; lý giải chưa thật thuyết phục cho 0,25 điểm* | 0,75 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **7,5** |
| **1** | **Viết đoạn văn về ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích từ bài thơ “Lẽ giản đơn” (Nguyễn Thế Hoàng Linh)** | ***2,5*** |
| *a. Bảo đảm yêu cầu về hình thức đoạn văn*  Thí sinh có thể trình bày đoạn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích hoặc song hành. | 0,25 |
| *b. Nêu thông điệp của đoạn thơ*  Thí sinh có thể nêu những thông điệp khác nhau nhưng phải gắn với nội dung, chủ đề của đoạn thơ: Khi cảm thấy yếu đuối, bất lực với chính mình, chúng ta cần tình yêu thương như một điểm tựa; đó là điều bình thường, là lẽ giản đơn của đời sống con người.  *Thí sinh nêu thông điệp bám sát/phù hợp với nội dung, chủ đề của đoạn trích (ví dụ: con người không hoàn hảo, không nên lo lắng, thất vọng về những khiếm khuyết, giới hạn của bản thân /mỗi người khi yếu đuối, ngã lòng cần nhận được sự cảm thông, chia sẻ/ tình yêu thương là điểm tựa nâng đỡ tinh thần cho con người mỗi khi thất vọng về bản thân…) cho 0,5 điểm.*  *Thí sinh nêu thông điệp liên quan nhưng không thật sát với nội dung, chủ đề của đoạn trích (ví dụ: sự cần thiết phải đối mặt và vượt qua những khó khăn, thử thách/ sức mạnh của tình yêu thương/ biết vượt lên chính mình…) cho 0,25 điểm.*  *Thí sinh nêu thông điệp không gắn với nội dung, chủ đề của văn bản, không cho điểm* | 0,5 |
| *c. Trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của thông điệp*  Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề theo những cách khác nhau nhưng phải làm rõ ý nghĩa của thông điệp trong đoạn thơ. Có thể trình bày theo hướng sau:  - Thông điệp giúp mỗi người hiểu được quy luật của đời sống, hiểu về chính mình: con người vốn bất toàn, ai cũng có lúc yếu lòng, thất vọng và cần được sẻ chia, nâng đỡ; cần biết yêu thương chính mình, biết giải tỏa áp lực, đối diện và vượt qua những khó khăn của bản thân.  - Thông điệp giúp chúng ta nhận ra sức mạnh của tình yêu thương: chữa lành tâm hồn, tạo ra năng lượng tích cực để đưa mọi người đến gần nhau hơn; từ đó, chúng ta biết trao đi và đón nhận yêu thương để tìm thấy niềm vui, sự bình yên trong cuộc sống.  *Thí sinh chỉ bàn bạc một cách chung chung, không tập trung làm rõ ý nghĩa của thông điệp rút ra hoặc không biết kết hợp giữa dẫn chứng và lí lẽ khi triển khai vấn đề, cho không quá 0,5 điểm.* | 1,25 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |
| **Thang điểm:**  *-* ***Điểm 2,0 - 2,5****: Đảm bảo các yêu cầu trên, rút ra thông điệp sát với nội dung, chủ đề của đoạn thơ; lập luận thuyết phục; lí lẽ và dẫn chứng phong phú, có ý sâu sắc; diễn đạt hấp dẫn.*  *-* ***Điểm 1,25 - 1,75****: Đảm bảo tương đối đầy đủ các yêu cầu trên, rút ra thông điệp phù hợp với nội dung, chủ đề của đoạn thơ; biết cách lập luận; lí lẽ và dẫn chứng hợp lí; diễn đạt trôi chảy.*  ***- Điểm 0,5 - 1,0****: Đảm bảo các yêu cầu trên ở mức độ sơ sài, rút ra thông điệp có liên quan đến nội dung, chủ đề của đoạn thơ; lập luận chưa thật thuyết phục; còn mắc lỗi diễn đạt, chính tả.*  *-* ***Điểm dưới 0,5****: Chưa hiểu được thông điệp của đoạn thơ; lập luận thiếu sức thuyết phục; mắc nhiều lỗi diễn đạt, chính tả.*  *-* ***Điểm 0****: Không làm hoặc hoàn toàn lạc đề.* |  |
| **2** | **Trình bày cách hiểu về ý kiến của nhà phê bình Chu Văn Sơn; phân tích những trải nghiệm và chiêm nghiệm của Nguyễn Duy trong bài thơ “Ánh trăng” để làm sáng tỏ ý kiến.** | ***5,0*** |
| *a. Bảo đảm cấu trúc bài văn nghị luận*  *Mở bài* nêu được vấn đề (nhận định, tác phẩm), *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.  *Thí sinh không trích dẫn nhận định hoặc không nêu tác phẩm cần phân tích khi giới thiệu vấn đề nghị luận, không cho điểm.* | 0,25 |
| *b. Triển khai vấn đề nghị luận*  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; bảo đảm các yêu cầu sau: |  |
| \* *Giải thích nhận định*:  - Trải nghiệm: những điều cảm nhận, nếm trải trong đời sống thực tiễn; trải nghiệm thể hiện sự từng trải, vốn sống của người cầm bút.  - Chiêm nghiệm: những suy tưởng, triết lí của người viết về cuộc sống, con người; chiêm nghiệm thể hiện tư tưởng, quan điểm của tác giả trước cuộc đời.  Nội dung nhận định bàn về mối liên hệ giữa thơ ca và đời sống, về giá trị tư tưởng của thơ ca: Thơ không chỉ gắn liền với trải nghiệm, vốn sống của người cầm bút; thơ còn thể hiện suy tư, chiêm nghiệm của nhà thơ về nhân sinh.  *Thí sinh không gọi ra vấn đề lí luận gắn với nhận định nhưng hiểu đúng nội dung nhận định vẫn cho điểm tối đa.* | 0,5 |
| \* *Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Duy, tác phẩm “Ánh trăng”.* | 0,5 |
| *\* Phân tích những trải nghiệm và chiêm nghiệm của Nguyễn Duy trong bài thơ “Ánh trăng”*  - “Ánh trăng” thể hiện những trải nghiệm của Nguyễn Duy trong trường đời: Ba khổ thơ đầu nhắc lại những trải nghiệm phong phú của nhân vật trữ tình (*hồi nhỏ với đồng, với sông, với biển, hồi chiến tranh ở rừng* sống hồn nhiên, gần gũi, chan hòa với thiên nhiên, vầng trăng là người bạn tri kỉ nghĩa tình luôn bên cạnh, gắn bó với con người; *từ hồi về thành phố*, quen sống với những tiện nghi hiện đại, vầng trăng trở nên xa lạ *như người dưng qua đường*); qua đó, nhà thơ nhấn mạnh sự thay đổi của con người, sự nhạt phai của lòng người trong quá trình vận động và biến đổi của đời sống.  - “Ánh trăng” thể hiện những chiêm nghiệm của Nguyễn Duy về thế sự, nhân sinh: Ba khổ thơ sau là những chiêm nghiệm sâu sắc của nhân vật trữ tình khi đối diện với vầng trăng trong tình huống bất ngờ *đèn điện tắt, phòng buyn-đinh tối om* (vầng trăng khiến nhân vật trữ tình *rưng rưng* nhận ra vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên, sự vĩnh hằng của đời sống; *vầng trăng tròn vành vạnh* khiến nhà thơ nhận ra sự vẹn nguyên của quá khứ, sự tròn đầy của nghĩa tình; *vầng trăng im phăng phắc* như là lời cảnh tỉnh về thái độ của con người với quá khứ của chính mình, của dân tộc); qua đó, bài thơ gợi những suy tưởng sâu sắc về mối liên hệ giữa quá khứ và hiện tại, về những giá trị cao đẹp, vững bền của đời sống, về đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, lẽ sống ân nghĩa thủy chung của dân tộc…  - Những trải nghiệm, chiêm nghiệm của nhân vật trữ tình được thể hiện bằng thể thơ năm chữ, giọng điệu linh hoạt, ngôn ngữ giàu sức gợi, hình ảnh phong phú: những trải nghiệm được tái hiện bằng giọng tự sự, nhịp thơ chảy trôi đều đặn, những chi tiết hình ảnh cụ thể, giàu chất sống; những chiêm nghiệm được bộc lộ bằng giọng điệu trữ tình khi thiết tha khi trầm lắng, hình ảnh, chi tiết mang tính biểu tượng…  *Thí sinh phân tích không định hướng, cho không quá 1,25 điểm.* | 1,0  1,0  0,5 |
| *\* Đánh giá*  - Được viết ra từ trải nghiệm và chiêm nghiệm nên “Ánh trăng” của Nguyễn Duy vừa giàu chất sống vừa giàu chất triết lí, vừa thấm đượm nỗi đời vừa lắng đọng lẽ đời; đây là yếu tố quan trọng làm nên giá trị và sức hấp dẫn của tác phẩm.  - Nhận định của nhà phê bình Chu Văn Sơn ngắn gọn, xác đáng; nhắc nhở người viết về giá trị của những trải nghiệm trong sáng tạo, về sự cần thiết phải chuyển hóa trải nghiệm thành chiêm nghiệm để tác phẩm có chiều sâu tư tưởng; gợi mở để người đọc có thêm góc nhìn khi tìm hiểu, đánh giá về giá trị của tác phẩm thơ nói riêng, tác phẩm văn học nói chung. | 0,5 |
| **Thang điểm:**  ***- Điểm 4,25 - 5,0****: Đảm bảo đầy đủ yêu cầu nêu trên; biết vận dụng kiến thức lí luận linh hoạt trong quá trình giải thích, phân tích, đánh giá; phân tích tác phẩm rõ định hướng, cảm thụ có ý sâu sắc; diễn đạt giàu hình ảnh, cảm xúc.*  ***- Điểm từ 3,25 - 4,0****: Đảm bảo tương đối đầy đủ các yêu cầu trên; biết vận dụng kiến thức lí luận phù hợp trong quá trình giải thích, phân tích, đánh giá; phân tích tác phẩm có định hướng, cảm thụ chưa thật sâu sắc; diễn đạt trong sáng, trôi chảy.*  ***- Điểm 2,25 - 3,0****: Đảm bảo các yêu cầu trên ở mức độ cơ bản, có ý thức vận dụng lí luận trong quá trình giải thích, phân tích, đánh giá nhưng chưa thật phù hợp; phân tích tác phẩm chưa rõ định hướng; còn mắc một số lỗi diễn đạt, chính tả.*  ***- Điểm dưới 2,0****: Chưa hiểu đúng ý kiến; phân tích tác phẩm một cách chung chung, sơ sài, thiếu thuyết phục; mắc nhiều lỗi chính tả, diễn đạt.*  *-* ***Điểm 0****: Không làm bài hoặc hoàn toàn lạc đề.* |  |
| *c. Chính tả, ngữ pháp*  Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt | 0,25 |
| *d. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| **TỔNG ĐIỂM** | | | **10,0** |

***Chú ý:***

*- Đối với phần Làm văn, khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm đoạn văn/ bài văn một cách hợp lí, đảm bảo đánh giá đúng trình độ thí sinh, khuyến khích sự sáng tạo, tránh đếm ý cho điểm.*

*- Điểm toàn bài lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn.*

*----------* HẾT ----------